

ĐA DẠNG HÓA THU NHẬP VÀ VIỆC ÁP DỤNG GIỐNG LÚA CẢI TIẾN TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Phạm Tiên Thành

Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Tôn Đức Thắng

Email: phamtienthanh@tdtu.edu.vn

Phạm Bảo Dương

Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông Nghiệp Việt Nam

Email: pbduong@vnua.edu.vn

Ngày nhận: 17/7/2019

Ngày nhận bản sửa: 12/12/2019

Ngày duyệt đăng: 05/3/2020

Tóm tắt:

Thực hiện quyết sách Tam Nông, những năm qua kinh tế hộ có sự phát triển mạnh mẽ theo hướng đa dạng hóa thu nhập và áp dụng công nghệ cho năng suất cao trong sản xuất nông nghiệp. Sử dụng dữ liệu bảng từ cuộc điều tra tiếp cận nguồn lực hộ gia đình nông thôn Việt Nam (VARHS), nghiên cứu này thảo luận quá trình đa dạng hóa kinh tế của nông hộ và mối quan hệ tương hỗ của quá trình này với việc áp dụng các giống lúa cải tiến. Kết quả phân tích cho thấy hộ có thu nhập từ các hoạt động phi nông nghiệp sẽ tích cực đổi mới, sử dụng các giống lúa cải tiến, nhất là đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nghiên cứu cũng gợi mở các hàm ý chính sách để tiếp tục thúc đẩy đa dạng hóa thu nhập, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, thực hiện tốt chính sách tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Từ khóa: Đa dạng hóa thu nhập, giống cải tiến, nông hộ.

Mã JEL: D13, O12, Q12.

Income diversification and adoption of modern rice varieties in agricultural production: Evidence from rural Vietnam

Abstract:

During the implementation of Tam Nong policy, farm household economy has rapidly developed toward income diversification and adoption of high-yielding agricultural technology. Using panel data from the Viet Nam Access to Rural Households Survey (VARHS), this research examines the rural households' income diversification process and its impacts on the adoption of modern rice varieties. The findings reveal that households with more income from nonfarm activities are more likely to adopt modern rice varieties, especially the ethnic minorities and households in mountainous areas. The study also reveals some policy implications to further spur the income diversification and apply high technologies in agriculture for the fruitful implementation of restructuring agriculture and rural economy.

Keywords: Income diversification, modern varieties, rural households

JEL Code: D13, O12, Q12

1. Giới thiệu

Trong quá trình phát triển đất nước và trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, các tác nhân trong xã hội, trong đó có hơn 10 triệu hộ nông dân, luôn phải chọn lựa giữa tập trung chuyên môn hóa trong sản xuất nông nghiệp hay là đa dạng hóa kinh tế bằng các cơ hội thu nhập phi nông nghiệp, hoặc cả hai. Mỗi quyết định đó của hộ ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập và phúc lợi của hộ và nói rộng hơn có tầm ảnh hưởng rất quan trọng đến việc phát triển, tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Lúa được xem là một trong những cây lương thực chính trên thế giới cũng như tại các quốc gia đang phát triển trong đó có Việt Nam. Đây là cây lương thực chủ lực, quyết định đến an ninh lương thực quốc gia nên nhận được sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ, người dân và cả hệ thống chính trị. Hạ tầng cho sản xuất lúa gạo được đầu tư trọng điểm. Bên cạnh đó, có rất nhiều giống mới được nghiên cứu, thử nghiệm và áp dụng trong sản xuất, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Có thể nói, việc ứng dụng giống lúa cải tiến trong nông nghiệp được xem là một công cụ hiệu quả giúp tăng năng suất do các đặc điểm như chu kỳ ngắn ngày và cho năng suất cao (Sall & cộng sự, 2000).

Tuy nhiên, một vấn đề đáng lưu ý là gần đây, nhiều nông hộ đã từ bỏ đồng ruộng để chuyển sang những các hoạt động phi nông nghiệp vì họ nhận ra rằng sản xuất lúa rủi ro và lợi ích thu về không cao. Để khuyến khích người nông dân bám ruộng, tiếp tục canh tác, Chính phủ đã thực hiện nhiều chương trình hỗ trợ như chính sách đầu vào và đầu ra, đầu tư vào cơ sở hạ tầng, khoa học công nghệ trong nông nghiệp, v.v... Trong đó, khoa học công nghệ trong nông nghiệp, đặc biệt là việc sử dụng các giống lúa mới hoặc các giống cải tiến, được xem là một trong những biện pháp hiệu quả giúp giảm thiểu những tác động tiêu cực từ các cú sốc trong nông nghiệp và từ đó tăng thu nhập.

Nói cách khác, hộ nông dân sinh sống ở khu vực nông thôn đã và đang đứng trước các lựa chọn: *Một là*, tiếp tục làm nông nghiệp – trong bối cảnh kinh tế thị trường – phải là sản xuất hàng hóa nông nghiệp với hiệu quả kinh tế cao, chứ không phải chỉ là sản xuất nông nghiệp gia đình mang tính tự cấp tự túc. Những hộ này sẽ tích tụ đất đai, tập trung vốn, ứng dụng khoa học công nghệ để đầu tư thâm canh, để

tận dụng các lợi thế của kinh tế theo quy mô hoặc chuyên môn hóa, và từ đó trở thành những nông dân chuyên nghiệp. *Hai là*, sẽ có một số hộ giải phóng đất đai, tư liệu sản xuất nông nghiệp để chuyển sang sản xuất, kinh doanh và làm dịch vụ phi nông nghiệp ngay ở tại địa phương – ly nông bất ly hương. *Ba là*, một số lao động sẽ rời xa quê hương đi làm công ăn lương, làm thuê ở các tỉnh khác hoặc thậm chí đi xuất khẩu lao động. Bức tranh đa dạng hóa thu nhập và việc làm ở nông thôn Việt Nam sẽ gồm những mảng màu khác nhau và dần sẽ có sự phân hóa ngày càng rõ nét (Diệp & Dương, 2019).

Tuy nhiên, hiện nay quan điểm trong và ngoài nước về vấn đề đa dạng hóa thu nhập phi nông nghiệp và các tác động của nó lên sản xuất nông nghiệp còn đang được tranh luận. Một số nghiên cứu cho rằng thu nhập từ các hoạt động phi nông nghiệp sẽ mang về một khoản tiền giúp các nông hộ vượt qua được những khó khăn về vốn đầu tư cho sản xuất nông nghiệp, từ đó giúp họ có cơ hội áp dụng công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp (Barrett & cộng sự, 2001; Ransom & cộng sự, 2003; Langyintuo & Mungoma, 2008). Tuy nhiên, một số khác lại cho rằng việc tham gia vào các hoạt động phi nông nghiệp sẽ làm giảm khả năng đầu tư vào nông nghiệp vì sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và nông nghiệp là hai hoạt động cạnh tranh về yếu tố sản xuất (Pfeiffer & cộng sự, 2009).

Trước bối cảnh đó, câu hỏi quan trọng đặt ra là: Việc đa dạng hóa thu nhập giúp thúc đẩy hoạt động đầu tư vào đổi mới công nghệ sản xuất trong nông nghiệp hay không? Sử dụng số liệu từ điều tra tiếp cận nguồn lực hộ gia đình nông thôn Việt Nam (VARHS) năm 2012 và 2014, nghiên cứu này hướng tới mục tiêu trả lời câu hỏi nghiên cứu trên. Mục tiêu chính của bài viết là xem xét quá trình đa dạng hóa thu nhập phi nông nghiệp trong mối quan hệ với việc đổi mới công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, được đại diện thông qua việc áp dụng các giống lúa cải tiến của nông hộ.

2. Cơ sở lý thuyết

Rất nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước về chủ đề tác động của hoạt động phi nông nghiệp lên mức sống và hoạt động đầu tư của hộ. Các nghiên cứu thực nghiệm trên thế giới đưa ra cùng kết luận rằng việc tham gia vào các hoạt động phi nông nghiệp giúp hộ cải thiện thu nhập, giảm nghèo và tăng chi tiêu (Ruben & van den Berg, 2001; Owusu & cộng

sự, 2011). Các nguồn thu từ phi nông nghiệp còn mang lại các nguồn vốn để thúc đẩy hoạt động đầu tư vào nông nghiệp, từ đó giúp tăng năng suất và thu nhập từ nông nghiệp (Babatunde & Qaim, 2010). Tuy nhiên, một số nghiên cứu khác lại cho rằng việc tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp lại có tác động không mong muốn lên thu nhập nông nghiệp và an ninh lương thực, vì các hộ phải chuyển các nguồn lực (chẳng hạn như lao động) từ sản xuất nông nghiệp sang phi nông nghiệp (Pfeiffer & cộng sự, 2009).

Ở Việt Nam cũng đã có nhiều nghiên cứu thực nghiệm về vai trò của hoạt động phi nông nghiệp ở vùng nông thôn. Oostendorp & cộng sự (2009) cho thấy việc tham gia kinh doanh phi nông nghiệp giúp tăng thu nhập và giảm bất bình đẳng. Hoang & cộng sự (2014), Tran (2015), và Sohns & Revilla Diez (2017) cũng đưa ra kết luận rằng các hộ tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp có mức thu nhập, chi tiêu và cơ hội thoát nghèo cao hơn.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về vai trò của các hoạt động phi nông nghiệp tuy nhiên nghiên cứu về tác động của các hoạt động này lên việc đầu tư vào đổi mới sản xuất trong nông nghiệp rất hạn chế. Barrett & cộng sự (2001) cho rằng việc tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp là một trong những chiến lược giúp nông hộ khắc phục được các khó khăn về nguồn vốn để đầu tư vào giống và thiết bị mới trong sản xuất nông nghiệp. Tambo & Abdoulaye (2012) cũng đưa ra kết luận rằng thu nhập phi nông nghiệp đóng vai trò quan trọng việc áp dụng công nghệ sản xuất mới trong nông nghiệp, và đưa ra hàm ý rằng các hộ sở hữu ít nguồn lực sẽ khó tiếp cận được các công nghệ sản xuất mới do những khó khăn về tài chính và nguồn lực sẽ cản trở họ trong việc mua được các công nghệ và những đầu vào đi kèm.

Đối với các nghiên cứu về việc áp dụng giống cây trồng mới, Ransom & cộng sự (2003) cho thấy vai trò của thu nhập phi nông nghiệp trong việc thúc đẩy đầu tư vào các giống ngô cải tiến và đưa ra lý giải rằng các hộ có các khoản thu nhập phi nông nghiệp cao thường có ít nhất một thành viên trong hộ đi làm bên ngoài địa phương. Do đó, điều này không chỉ giúp cho hộ có nhiều tiền hơn để mua các đầu vào nông nghiệp mà các thành viên đang làm việc ở bên ngoài sẽ có tiếp cận được giống mới dễ dàng hơn cũng như có nhiều thông tin hơn về giống cải tiến từ các địa phương khác. Langyintuo

& Mungoma (2008) cũng khẳng định rằng thu nhập phi nông nghiệp làm tăng việc áp dụng giống ngô mới; tuy nhiên, điều này chỉ đúng cho trường hợp hộ khó khăn nhưng lại không có ý nghĩa gì đối với hộ khá giả.

Tóm lại, các nghiên cứu đều có chung lập luận rằng thu nhập từ phi nông nghiệp sẽ giúp khắc phục các khó khăn về nguồn vốn đầu tư (tiền mặt hoặc tín dụng) của các nông hộ, đặc biệt là các hộ sở hữu ít nguồn lực hoặc hộ nghèo, từ đó tăng khả năng áp dụng công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp của hộ. Tuy nhiên, có quan điểm cho rằng để sản xuất phi nông nghiệp thì hộ cần phải điều chuyển nguồn lực đang sản xuất nông nghiệp sang, trong khi việc áp dụng công nghệ mới trong nông nghiệp đôi khi đòi hỏi nhiều nguồn lực; đồng thời, khi chuyển sang phi nông nghiệp thì nhiều hộ bắt đầu xem đây là nguồn thu chính thay cho nguồn thu từ nông nghiệp như trước đây. Điều này dẫn đến hệ quả là tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp sẽ làm giảm việc đầu tư cho nông nghiệp.

Cho đến nay, hầu như chưa có nghiên cứu nào ở Việt Nam tập trung xem xét vai trò của các nguồn thu từ hoạt động phi nông nghiệp lên việc đầu tư vào công nghệ mới trong nông nghiệp. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện để kiểm định vấn đề này. Đóng góp của nghiên cứu này chính là việc đánh giá tác động của nguồn thu nhập từ nhiều hoạt động phi nông nghiệp khác nhau lên việc đổi mới công nghệ sản xuất trong nông nghiệp, được đại diện bởi giống lúa cải tiến.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp ước lượng

Trong nghiên cứu này, biến phụ thuộc là biến giả nhận giá trị nhị phân, do đó mô hình logit được lựa chọn để phân tích. Mô hình nghiên cứu được viết dưới dạng tuyến tính như sau:

$$\log it[\Pr(MV_{it} = 1)] = \alpha + \beta INC_{it} + \delta X_{it} + \varepsilon_{it}$$

Trong đó, MV_{it} là biến giả thể hiện việc áp dụng giống lúa cải tiến (1 = Có áp dụng; 0 = Không áp dụng). INC_{it} là biến liên tục, thể hiện số tiền thu được từ các hoạt động đa dạng hóa thu nhập phi nông nghiệp. X_{it} là các biến đặc điểm khác. Các biến sử dụng để phân tích được trình bày ở Bảng 1. ε_{it} là sai số. i, t là hộ i ở thời điểm t . Pr là xác suất của việc áp dụng giống lúa cải tiến.

Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu bảng, với số kỳ

Bảng 1: Định nghĩa và đo lường các biến sử dụng để phân tích định lượng

Biến	Mô tả, đo lường	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Nguồn thu phi nông nghiệp			
Làm công ăn lương	Thu nhập từ hoạt động làm công ăn lương (<i>Triệu đồng</i>)	23,16	35,82
Tự sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	Thu nhập từ hoạt động tự sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (<i>Triệu đồng</i>)	7,23	26,25
Chuyên nhượng cá nhân	Thu nhập từ các khoản chuyên nhượng cá nhân (<i>Triệu đồng</i>)	5,13	18,02
Hỗ trợ từ chính phủ	Thu nhập từ các khoản hỗ trợ từ chính phủ (<i>Triệu đồng</i>)	4,71	15,59
Đặc điểm kinh tế xã hội của hộ			
Tiếp cận vốn	Tổng số tiền vay được từ các nguồn (<i>Triệu đồng</i>)	12,62	36,66
Số lao động	Tổng số thành viên đang trong độ tuổi lao động trong hộ (15-60 tuổi)	3,16	1,46
Đất trồng trọt	Tổng diện tích đất trồng trọt mà hộ quản lý, sử dụng (<i>Ha</i>)	0,78	1,06
Đất trồng trọt được tưới	Tổng diện tích đất trồng trọt được tưới mà hộ quản lý, sử dụng (<i>Ha</i>)	0,42	0,83
Khuyến nông	1=Hộ được cán bộ khuyến nông ghé thăm, 0=Không	0,17	0,37
Xã có chợ	1=Xã nơi hộ sinh sống có chợ, 0=Không	0,57	0,50
Vùng miền			
Vùng núi phía Bắc	1=Vùng núi phía Bắc, 0=vùng khác	0,50	0,50
Đồng bằng sông Hồng	1=Đồng bằng sông Hồng, 0= vùng khác	0,17	0,38
Duyên hải và Tây Nguyên	1=Duyên hải và Tây Nguyên, 0=vùng khác	0,28	0,45
Đồng bằng sông Cửu Long	1=Đồng bằng sông Cửu Long, 0=vùng khác	0,05	0,22
Số quan sát		4.186	

t là 2 kỳ. Khi ước lượng sử dụng dữ liệu bảng, các nghiên cứu thường quan tâm đến việc sử dụng mô hình tác động cố định (Fixed Effect - FE) hoặc tác động ngẫu nhiên (Random Effect - RE). Tuy nhiên, khi sử dụng mô hình logit với Phương pháp Ước lượng khả năng cực đại (Maximum likelihood estimation - MLE), mô hình FE có thể bị thiên lệch nếu như số kỳ t quá nhỏ (Greene, 2004). Hơn nữa, việc sử dụng mô hình FE cũng sẽ loại bỏ các biến giải thích có đặc điểm không đổi theo thời gian, chẳng hạn như các biến vùng miền. Đồng thời, nếu như có nhiều hộ có hoặc không áp dụng giống lúa cải tiến ở cả hai kỳ, thì trong quá trình ước lượng sử dụng FE, các quan sát này cũng sẽ bị loại ra khỏi mẫu nghiên cứu, điều này làm ảnh hưởng đến kết quả ước lượng. Do đó, nghiên cứu này sử dụng mô hình RE để thực hiện việc ước lượng.

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu bảng từ điều tra tiếp cận nguồn lực hộ gia đình nông thôn Việt Nam (VARHS) năm 2012 và 2014. Cuộc khảo sát này thu

thập thông tin của các nông hộ thuộc 12 tỉnh trong cả nước. Năm 2012, 3.703 nông hộ được khảo sát. Năm 2014 khảo sát lại 3.644 hộ do một số hộ chuyển đi nơi khác hoặc vùng cư trú không còn thuộc khu vực nông thôn.

Do trong nghiên cứu cứu này tập trung phân tích nội dung liên quan đến việc áp dụng giống lúa cải tiến nên mẫu nghiên cứu chỉ giữ lại các hộ có hoạt động trồng lúa trong cả hai đợt khảo sát. Bên cạnh đó, nhằm mục đích tạo ra một bộ dữ liệu bảng cân đối, một số quan sát bị loại ra khỏi mẫu nghiên cứu do thiếu thông tin. Do đó, mẫu sau cùng được sử dụng để phân tích gồm 2.093 hộ (4.186 quan sát trong hai đợt khảo sát).

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Đa dạng hóa thu nhập của nông hộ

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy có sự thay đổi đáng kể trong thu nhập và cơ cấu thu nhập của hộ qua 2 năm 2012 và 2014. Thu nhập bình quân của hộ tăng từ 59,89 triệu đồng/năm lên 77,4 triệu đồng/năm.

Bảng 2: Cơ cấu nguồn thu nhập của nông hộ

Nguồn thu	2012		2014	
	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Nông nghiệp	21,10	35,24	24,37	31,48
Làm công ăn lương	19,49	32,54	26,84	34,68
Tự sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	6,74	11,26	7,72	9,97
Chuyển nhượng cá nhân	4,25	7,10	6,00	7,75
Hỗ trợ từ chính phủ	3,31	5,52	6,11	7,90
Nguồn khác	4,99	8,34	6,36	8,22
Tổng	59,89	100,00	77,40	100,00

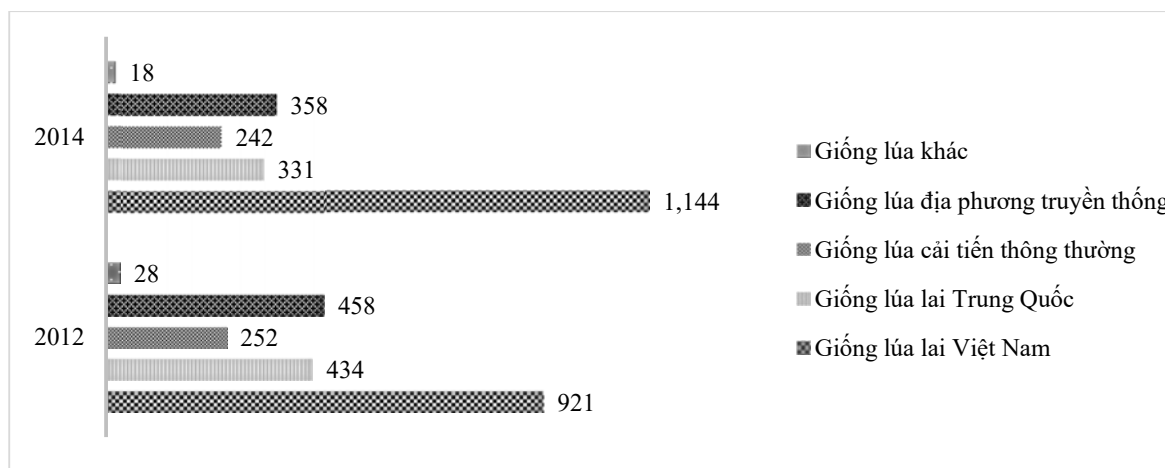
Nguồn: Tính toán từ dữ liệu khảo sát (VARHS, 2012, 2014).

Thu nhập của hộ từ nông nghiệp mặc dù tăng lên từ 21,1 triệu đồng/năm lên 24,4 triệu đồng/năm nhưng tỷ trọng lại giảm từ 35,24% xuống còn 31,48%. Bên cạnh thu nhập từ nông nghiệp, hộ còn có các nguồn thu nhập từ các hoạt động phi nông nghiệp như làm công ăn lương, tự sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, các khoản tiền gửi, chuyển nhượng cá nhân và các khoản hỗ trợ của nhà nước. Nguồn thu tăng từ làm công ăn lương tăng đáng kể từ 19,49 triệu đồng/năm (chiếm 32,54%) lên 26,84 triệu đồng/năm (chiếm 34,68%). Tương tự, khoản hỗ trợ của nhà nước cũng tăng lên đáng kể (gấp đôi về lượng sau 2 năm). Bức tranh sinh kế của hộ gia đình nông thôn có sự thay đổi đáng kể, trong đó nguồn thu chính từ các hoạt động làm công ăn lương và làm nông nghiệp (với tỷ trọng xấp xỉ bằng nhau – mỗi loại chiếm khoảng 1/3 tổng thu nhập của hộ) và 1/3 phần còn lại từ các nguồn phi nông nghiệp khác.

Có thể thấy rằng giờ đây thu nhập của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam chủ yếu từ các hoạt động phi nông nghiệp, chiếm khoảng 2/3 tổng thu nhập của hộ, còn thu từ các hoạt động nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 1/3. So sánh với những năm sau ‘Đổi mới’ thì kết quả sinh kế này rất quan trọng, có ý nghĩa vô cùng to lớn, đánh giá sự thành công bước đầu trong tiến trình tái cơ cấu kinh tế nông thôn Việt Nam theo hướng tăng giá trị ngành nông nghiệp nhưng cũng đa dạng hóa, phát triển mạnh mẽ các ngành nghề phi nông nghiệp.

4.2. Áp dụng giống lúa cải tiến trong sản xuất của nông hộ

Các hộ gia đình nông thôn đã có truyền thống sản xuất nông nghiệp từ lâu đời. Từ thế hệ này đến thế hệ khác, cha mẹ truyền, con nối nghiệp, những người nông dân đã cần mẫn canh tác gieo trồng lúa

Hình 1: Tình hình sử dụng giống lúa ở Việt Nam 2012-2014

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu khảo sát (VARHS, 2012, 2014).

Bảng 3: Tác động của thu nhập phi nông nghiệp lên việc áp dụng giống lúa cải tiến

Biến giải thích	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Làm công ăn lương	0,003 (0,086)					0,003** (0,048)
Tự sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp		0,006** (0,039)				0,007** (0,014)
Chuyên nhượng cá nhân			0,013*** (0,002)			0,015*** (0,001)
Hỗ trợ từ chính phủ				-0,006** (0,047)		-0,006** (0,036)
Tiếp cận vốn					0,0002 (0,903)	-0,002 (0,210)
Số lao động trong hộ	-0,094*** (0,010)	-0,082** (0,021)	-0,072** (0,040)	-0,079** (0,025)	-0,079** (0,026)	-0,093** (0,011)
Tổng diện tích đất trồng trọt	-0,410*** (0,000)	-0,419*** (0,000)	-0,452*** (0,000)	-0,426*** (0,000)	-0,426*** (0,000)	-0,424*** (0,000)
Diện tích đất trồng trọt được tưới	0,449*** (0,000)	0,446*** (0,000)	0,480*** (0,000)	0,453*** (0,000)	0,452*** (0,000)	0,481*** (0,000)
Khuyến nông	0,473*** (0,001)	0,480*** (0,001)	0,483*** (0,001)	0,472*** (0,001)	0,475*** (0,001)	0,484*** (0,001)
Xã có chợ	0,754*** (0,000)	0,759*** (0,000)	0,741*** (0,000)	0,782*** (0,000)	0,776*** (0,000)	0,703*** (0,000)
Vùng (Vùng núi phía Bắc là biến cơ sở)						
Đồng bằng sông Hồng	0,478*** (0,005)	0,456*** (0,008)	0,486*** (0,004)	0,534*** (0,001)	0,532*** (0,002)	0,338* (0,054)
Duyên hải và Tây Nguyên	0,303** (0,021)	0,323** (0,013)	0,304** (0,019)	0,323** (0,013)	0,335*** (0,010)	0,239* (0,069)
Đồng bằng sông Cửu Long	-0,624** (0,011)	-0,556** (0,021)	-0,550** (0,022)	-0,572** (0,018)	-0,551** (0,023)	-0,650*** (0,008)
Hàng số	1,526*** (0,000)	1,513*** (0,000)	1,480*** (0,000)	1,547*** (0,000)	1,517*** (0,000)	1,512*** (0,000)
Số quan sát	4.186					

Ghi chú: *** $p < 0,01$, ** $p < 0,05$.

trên mảnh ruộng của họ. Sau ‘Đổi mới’, với việc thừa nhận sự tồn tại và khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, hộ đã áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó trọng tâm là đổi mới cơ cấu giống lúa, thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất và kết quả là sản lượng lương thực không ngừng tăng trong suốt 30 năm qua, không những đủ cho tiêu dùng trong nước mà còn xuất khẩu một lượng gạo lớn ra thị trường quốc tế. Giờ đây, rất khó tìm thấy các giống cũ, truyền thống của địa phương được canh tác trên đồng ruộng. Số liệu thống kê ở Hình 1 cho thấy chỉ có 458 hộ dùng giống truyền thống địa phương năm 2012 (chiếm 21,9%) và giảm xuống còn 358 hộ năm 2014 (chiếm 17,1%). Tuyệt đại bộ phận nông hộ sử dụng các giống lúa cải tiến, đặc biệt là các giống lúa lai của Việt Nam và nhập khẩu từ Trung Quốc để canh tác (chiếm 70% năm 2014). Bên cạnh đó, hộ cũng dùng các giống cải tiến (ngoài các giống lúa

lai) do các cơ sở nghiên cứu và các doanh nghiệp cung cấp (chiếm 11,6 % năm 2014). Chính tư duy đổi mới thường xuyên cơ cấu giống lúa, sử dụng phổ biến hơn các giống lúa lai, có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh tốt là nhân tố quan trọng, quyết định đến sự tăng trưởng của sản xuất lúa gạo của đất nước trong suốt thời gian qua.

4.3. Đa dạng hóa thu nhập và áp dụng giống cải tiến trong sản xuất của hộ

Như đã chỉ ra, trong cơ cấu thu nhập hiện nay của nông hộ, thu từ nông nghiệp hiện chỉ chiếm khoảng 1/3, trong khi thu từ các hoạt động phi nông nghiệp chiếm tới 2/3. Vậy mối quan hệ giữa thu nhập phi nông nghiệp với đầu tư giống cải tiến trong các nông hộ đang diễn ra như thế nào? Mối quan hệ tương hỗ nông nghiệp – phi nông nghiệp này rất quan trọng trong tiến trình phát triển kinh tế hộ, tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn để góp phần phát triển

**Bảng 4: Tác động của thu nhập phi nông nghiệp lên việc áp dụng giống lúa cải tiến –
Phân theo hộ người Kinh và dân tộc thiểu số**

Biến giải thích	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<i>Nhóm 1: Hộ người Kinh (N=2.248)</i>						
Làm công ăn lương	-0,002 (0,248)					-0,002 (0,356)
Tự sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp		0,002 (0,288)				0,003 (0,163)
Chuyên nhượng cá nhân			0,006 (0,153)			0,006 (0,138)
Hỗ trợ từ chính phủ				0,011 (0,098)		0,011 (0,104)
Tiếp cận vốn					-0,002 (0,162)	-0,003** (0,048)
<i>Nhóm 2: Hộ dân tộc thiểu số (N=1.928)</i>						
Làm công ăn lương	0,008** (0,015)					0,008** (0,017)
Tự sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp		0,022 (0,127)				0,022 (0,133)
Chuyên nhượng cá nhân			0,029** (0,016)			0,028** (0,024)
Hỗ trợ từ chính phủ				-0,024*** (0,000)		-0,024*** (0,000)
Tiếp cận vốn					0,007 (0,070)	0,002 (0,689)

*Ghi chú: *** $p < 0,01$, ** $p < 0,05$; Các biến kiểm soát khác đã được lược bỏ.*

nông thôn bền vững.

Kết quả ước lượng về quan hệ giữa đa dạng hóa thu nhập phi nông nghiệp với quyết định áp dụng các giống lúa cải tiến trong sản xuất nông nghiệp được thể hiện ở Bảng 3. Kết quả cho thấy thu nhập từ làm công ăn lương và tự sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp có tương quan thuận đối với quyết định áp dụng giống lúa cải tiến. Các khoản thu nhập từ chuyển nhượng từ cá nhân (họ hàng, người thân, v.v...) cũng có tác động thúc đẩy việc áp dụng các giống lúa cải tiến trong sản xuất của hộ. Trong khi đó các khoản hỗ trợ từ chính phủ (chủ yếu là các khoản trợ cấp xã hội, lương hưu, v.v...) lại làm giảm quyết định sử dụng các giống lúa cải tiến của nông hộ. Điều này cũng dễ hiểu bởi các hộ được nhận trợ cấp của chính phủ thường là những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, người già, neo đơn, hoặc là người hưu trí. Họ rất khó có thể đầu tư cho áp dụng các giống cải tiến. Kết quả còn cho thấy tiếp cận được vốn vay không tác động đến việc áp dụng giống lúa cải tiến của các nông hộ. Có thể những năm qua, kinh tế đất nước có sự phát triển đáng kể, đa số hộ nông dân với quy mô sản xuất nhỏ không quá khó

khăn để có vài trăm ngàn đồng để dành tiền mua giống mới để tăng năng suất cây trồng. Một lý khác đó chính là sản xuất nông nghiệp luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt là trong canh tác lúa. Đồng thời, việc áp dụng giống lúa cải tiến đòi hỏi các thức cách tác mới, từ đó cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn. Nông dân thường e ngại rủi ro nên họ cũng không dùng tiền vay được để đầu tư vào giống lúa cải tiến.

Các kết quả cho thấy mối quan hệ giữa thu nhập phi nông nghiệp với quyết định áp dụng giống cải tiến trong canh tác lúa. Câu hỏi đặt ra là đâu là logic của mối quan hệ tương hỗ này? Các giống cải tiến có ưu điểm cho năng suất cao, khả năng kháng các điều kiện bất lợi, chống chịu sâu bệnh tốt hơn và khả năng chịu thâm canh cao hơn. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng đầu tư thâm canh, đổi mới công nghệ trong sản xuất nông nghiệp đòi hỏi lượng vốn nhất định, tương đối lớn so với thu nhập của nông hộ. Canh tác lúa thâm canh không chỉ bao gồm việc mua một lượng giống mới mà còn đòi hỏi đi kèm là sự gia tăng đầu tư cho các vật tư đầu vào (đạm, lân, ka li, thuốc trừ sâu, diệt cỏ), chi phí lao động, chi phí thủy lợi, v.v... Bên cạnh đó, các rủi ro liên quan đến thị trường, giá

**Bảng 5: Tác động của thu nhập phi nông nghiệp
lên việc áp dụng giống lúa cải tiến – Phân theo vùng miền**

Biến giải thích	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<u>Nhóm 1: Đồng bằng sông Hồng</u>						
<u>(N=714)</u>						
Làm công ăn lương	0,003 (0,384)					0,004 (0,294)
Tự sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp		0,000 (0,938)				0,003 (0,340)
Chuyên nhượng cá nhân			0,010 (0,282)			0,012 (0,204)
Hỗ trợ từ chính phủ				0,017 (0,191)		0,018 (0,162)
Tiếp cận vốn					-0,003 (0,090)	-0,004** (0,036)
<u>Nhóm 2: Miền núi phía Bắc</u>						
<u>(N=2.082)</u>						
Làm công ăn lương	0,011*** (0,002)					0,011*** (0,002)
Tự sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp		0,019** (0,039)				0,018* (0,058)
Chuyên nhượng cá nhân			0,026*** (0,009)			0,028*** (0,005)
Hỗ trợ từ chính phủ				-0,020*** (0,000)		-0,023*** (0,000)
Tiếp cận vốn					0,010** (0,013)	0,003 (0,490)
<u>Nhóm 3: Duyên hải và Tây Nguyên (N=1.174)</u>						
Làm công ăn lương	-0,003 (0,237)					-0,002 (0,313)
Tự sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp		0,010 (0,095)				0,009 (0,110)
Chuyên nhượng cá nhân			0,006 (0,276)			0,005 (0,334)
Hỗ trợ từ chính phủ				0,008 (0,395)		0,007 (0,432)
Tiếp cận vốn					0,003 (0,395)	0,001 (0,703)
<u>Nhóm 4: Đồng bằng sông Cửu Long (N=216)</u>						
Làm công ăn lương	-0,008 (0,058)					-0,007 (0,091)
Tự sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp		0,001 (0,879)				0,005 (0,644)
Chuyên nhượng cá nhân			0,030 (0,278)			0,022 (0,399)
Hỗ trợ từ chính phủ				0,019 (0,511)		0,017 (0,548)
Tiếp cận vốn					-0,010** (0,012)	-0,010** (0,014)

*Ghi chú: *** $p < 0,01$, ** $p < 0,05$; Các biến kiểm soát khác đã được lược bỏ.*

cả, thời tiết, dịch bệnh lại luôn thường xuyên xảy ra... Chính vì vậy hộ sẽ phải cân nhắc khi quyết định có hay không áp dụng giống cải tiến. Trong một số trường hợp, nếu như nguồn lực tài chính của

gia đình có hạn, hộ sẽ phải tìm đến các khoản vay để mua giống lúa mới và các vật tư đầu vào cần thiết cho thâm canh giống mới. Nếu việc tiếp cận tín dụng gặp khó khăn hoặc khoản tiền vay được chưa tương

xúng, hộ gia đình có thể sử dụng các khoản thu nhập phi nông nghiệp để mua giống mới và vật tư. Lúc này, các khoản thu nhập phi nông nghiệp sẽ có tác dụng như nguồn vốn bổ sung để nông hộ đầu tư, đổi mới công nghệ canh tác lúa, từ đó tăng cường năng lực sản xuất nông nghiệp. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc phát triển sản xuất, tái cơ cấu ngành nông nghiệp: có chuyên môn hóa để phát triển sản xuất lúa hàng hóa quy mô lớn, song song với quá trình đang dạng hóa các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, hạn chế rủi ro và phát triển toàn diện, bền vững kinh tế hộ nói riêng và kinh tế xã hội nông thôn nói chung.

Mặt khác, gần đây xuất hiện hiện tượng hàng loạt lao động nông nghiệp bỏ quê lên làm công ăn lương ở thành phố và thậm chí lao động ở nước ngoài. Đã có những quan ngại về ảnh hưởng tiêu cực của hiện tượng này đến sản xuất nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu này cho thấy có thể việc lao động nông thôn rời quê đi làm thuê ở thành phố có những ảnh hưởng nhất định tới sản xuất nông nghiệp và xã hội nông thôn, nhưng điều đó cũng giúp đa dạng hóa và nâng cao thu nhập của cư dân nông thôn và tạo tiền đề về vốn để hộ tiếp tục đầu tư, áp dụng công nghệ mới, giống cải tiến, thâm canh tăng năng suất. Chính hành động đó giúp cho tiếp tục duy trì đà tăng trưởng và phát triển ngành nông nghiệp trong thời gian tới.

Việt Nam có 54 dân tộc sinh sống ở các vùng miền của đất nước, trong đó người Kinh đã có truyền thống canh tác lúa nước lâu đời với trình độ thâm canh cao. Còn lại 53 dân tộc thiểu số khác sinh sống chủ yếu ở các vùng núi cao với điều kiện canh tác khó khăn, nhiều nơi còn làm lúa nương là chủ yếu. Nghiên cứu tiếp tục phân chia mẫu quan sát thành 2 nhóm: Nhóm hộ người Kinh và nhóm hộ dân tộc thiểu số để thực hiện phân tích. Kết quả ước lượng tóm lược được trình bày ở Bảng 4.

Đối với nhóm hộ người Kinh, kết quả cho thấy không thể rút ra được kết luận gì về mối quan hệ giữa thu nhập phi nông nghiệp với việc áp dụng các giống lúa cải tiến trong sản xuất nông nghiệp. Trong khi đó, các kết quả đối với nhóm hộ dân tộc thiểu số lại cho thấy thu nhập từ làm công ăn lương và các khoản chuyển nhượng cá nhân lại có tác động thúc đẩy việc áp dụng các giống lúa cải tiến. Các kết quả có hàm ý chính sách rất quan trọng. Đối với nhóm hộ người Kinh, việc đổi mới cơ cấu giống, sử dụng các giống cải tiến có năng suất cao, chống chịu các

điều kiện bất thuận trở thành việc làm thường xuyên và dường như hộ không gặp khó khăn quá lớn để phải dựa vào các nguồn thu nhập phi nông nghiệp để mua giống cải tiến và các vật tư tiêu hao cho sản xuất. Trong khi đó, đối với các hộ dân tộc thiểu số thì có thể do tiềm lực kinh tế còn hạn chế, phong tục tập quán canh tác cũ, truyền thống, khó khăn hơn trong việc tiếp cận tín dụng, v.v... nên chỉ khi có được các việc làm phi nông nghiệp thì họ mới có điều kiện để mua các giống cải tiến và vật tư để tăng năng suất và phát triển kinh tế gia đình. Các hoạt động phi nông nghiệp không chỉ nâng cao thu nhập và đời sống gia đình mà còn là đòn bẩy kích thích phát triển, đổi mới công nghệ nông nghiệp của đồng bào dân tộc thiểu số.

Kết quả cũng cho thấy các khoản hỗ trợ từ chính phủ không có tác động gì lên quyết định áp dụng giống lúa cải tiến của hộ người Kinh nhưng lại có quan hệ ngược chiều đối với quyết định áp dụng của hộ dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, tương tự với trường hợp tổng thể mẫu, vốn vay cũng không tác động đến việc áp dụng giống lúa cải tiến của các nông hộ ở cả hai nhóm hộ người Kinh và nhóm dân tộc thiểu số.

Kết quả nghiên cứu phân theo vùng miền ở Bảng 5 cho thấy các thu nhập từ phi nông nghiệp không tác động đến việc áp dụng giống lúa cải tiến ở các vùng đồng bằng (bao gồm cả đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long) cũng như các vùng Duyên hải và Tây Nguyên. Tuy nhiên, ở vùng núi phía Bắc thì các khoản thu nhập từ phi nông nghiệp như làm công ăn lương, tự sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp hay chuyển nhượng các nhân lại đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các nông hộ trong việc áp dụng giống lúa cải tiến. Đối với các khoản hỗ trợ từ chính phủ, kết quả ở vùng núi khá thống nhất với trường hợp các hộ dân tộc thiểu số, khi nhận được nhiều hỗ trợ từ chính phủ hơn thì họ lại có xu hướng giảm việc áp dụng giống lúa cải tiến.

Kết quả ước lượng về tác động của tiếp cận vốn vay ở vùng núi phía Bắc cũng như vùng Duyên hải và Tây Nguyên cho thấy yếu tố này không tác động đến quyết định áp dụng giống lúa cải tiến của các nông hộ trong hai vùng này. Tuy nhiên, đáng chú ý là ở các vùng đồng bằng thì khi vay được nhiều vốn hơn thì các nông hộ lại giảm việc áp dụng các giống lúa cải tiến. Bên cạnh những lý do đã trình bày ở trên, thì ở vùng đồng bằng nhìn chung việc

giao thương và đi lại thuận lợi hơn ở các vùng núi, cho nên khi các nông hộ vay được vốn thì họ thường lựa chọn đầu tư vào các hoạt động đem lại thu nhập cao hơn và ổn định hơn. Do đó, họ lại có xu hướng không đầu tư vào giống lúa cải tiến mà dùng khoản vốn vay được đầu tư cho các hoạt động phi nông nghiệp như tự sản xuất kinh doanh hoặc làm công ăn lương.

5. Kết luận và khuyến nghị

Phát triển kinh tế hộ nói riêng và kinh tế nông thôn nói chung là chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong suốt thời gian qua. Với chủ trương phát triển Tam Nông bao trùm, thời gian quan, Chính phủ đã có các quyết sách quan trọng để tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Các chính sách cũng khuyến khích phát triển, đa dạng hóa các hoạt động kinh tế ở nông thôn, thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm, v.v... Các giải pháp được triển khai khá đồng bộ và hiệu quả bao gồm việc dồn điền đổi thửa, phát triển thị trường đất đai, khuyến khích tích tụ đất đai, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tín dụng ưu đãi

cho nông nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, v.v... Kinh tế hộ đã có bước phát triển rõ nét, thu nhập ngày càng tăng lên, nguồn thu cũng đa dạng hơn, không chỉ phụ thuộc quá lớn vào nông nghiệp như trước nữa.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng hộ đã và sẽ tiếp tục ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, đổi mới giống lúa, đầu tư thâm canh, tăng năng suất. Bên cạnh đó, bức tranh kinh tế nông thôn cũng sẽ đa dạng hơn với sự xuất hiện của các hoạt động phi nông nghiệp. Các hoạt động phi nông nghiệp có tác động tương hỗ, bổ trợ cho sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển hơn nữa. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với nhóm hộ đồng bào dân tộc thiểu số và đặc biệt là đồng bào ở miền núi. Các hoạt động phi nông nghiệp không chỉ giúp đa dạng hóa thu nhập, tái cơ cấu kinh tế, mà còn là đòn bẩy để kích thích đổi mới công nghệ, thâm canh, tạo ra động lực tăng trưởng mới cho nông nghiệp của đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng các vùng sâu, vùng xa, vùng núi. Bằng việc tiếp tục các chính sách phát triển nông nghiệp, đa dạng hóa kinh tế nông thôn có thể thực hiện thành công các chính sách Tam Nông mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Lời thừa nhận/Cảm ơn:

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học & công nghệ Quốc gia (NAFOSTED). Mã số: 502.01-2018.18.

Tài liệu tham khảo:

- Babatunde, R.O. & Qaim, M. (2010), 'Impact of off-farm income on food security and nutrition in Nigeria. *Food Policy*, 35 (4), 303–311.
- Barrett, C.B., Reardon, T. & Webb, P. (2001), 'Nonfarm income diversification and household livelihood strategies in rural Africa: concepts, dynamics, and policy implications', *Food Policy*, 26, 315–331.
- Diệp, Đ.T & Dương, P.B. (2019), 'Nông nghiệp hay phi nông nghiệp – sự lựa chọn của người dân và tác động lên phúc lợi nông hộ: lý luận và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam', *Nghiên cứu Kinh tế*, 4 (491), 40-51.
- Greene, W. (2004), 'The behaviour of the maximum likelihood estimator of limited dependent variable models in the presence of fixed effects', *The Econometrics Journal*, 7(1), 98-119.
- Hoang, T.X., Pham, C.S. & Ulubaşoğlu, M.A. (2014), 'Non-Farm Activity, Household Expenditure, and Poverty Reduction in Rural Vietnam: 2002–2008', *World Development*, 64, 554–568.
- Langyintuo, A.S. & Mungoma, C. (2008), 'The effect of household wealth on the adoption of improved maize varieties in Zambia', *Food Policy* 33, 550–559.
- Oostendorp, R.H., Trung, T.Q. & Tung, N.T. (2009), 'The Changing Role of Non-Farm Household Enterprises in Vietnam', *World Development*, 37(3), 632–644.

- Owusu, V., Abdulai, A. & Abdul-Rahman, S. (2011), 'Non-farm work and food security among farm households in Northern Ghana', *Food Policy*, 36(2), 108–118.
- Pfeiffer, L. López-Feldman, A. & Taylor, J.E. (2009), 'Is off-farm income reforming the farm? Evidence from Mexico', *Agricultural Economics*, 40(2), 125–138.
- Ransom, J.K., Paudyal, K. & Adhikari, K. (2003), 'Adoption of improved maize varieties in the hills of Nepal', *Agricultural economics*, 29(3), 299–305.
- Ruben, R. & van den Berg, M. (2001), 'Nonfarm Employment and Poverty Alleviation of Rural Farm Households in Honduras', *World Development*, 29(3), 549–560.
- Sall, S., Norman, D. & Featherstone, A.M. (2000), 'Quantitative assessment of improved rice variety adoption: the farmer's perspective', *Agricultural Systems*, 66 (2), 129-144.
- Sohns, F. & Revilla Diez, J. (2017), 'Self-Employment and Its Influence on the Vulnerability to Poverty of Households in Rural Vietnam-A Panel Data Analysis', *Geographical Review*, 107(2), 336–359.
- Tambo, J.A. & Abdoulaye, T. (2012), 'Climate change and agricultural technology adoption: the case of drought tolerant maize in rural Nigeria', *Mitigation and Adaptation Strategies for Global Change*, 17(3), 277-292.
- Tran, T. Q. (2015), 'Nonfarm employment and household income among ethnic minorities in Vietnam', *Economic Research-Ekonomska Istraživanja*, 28(1), 703–716.